

CÔNG TY XĂNG DẦU QUÂN ĐỘI KHU VỰC 1

-----o0o-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**CƠ SỞ: TRẠM XĂNG DẦU SỐ 37**

**Địa điểm: xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An**

- Nghệ An, tháng 12/2024 -

## MỤC LỤC

Chương I.....	6
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	6
1.Tên chủ cơ sở: .....	6
2. Tên cơ sở: .....	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở:.....	7
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:.....	7
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở .....	9
3.3. Sản phẩm của cơ sở:.....	9
3.4. Thiết bị của cơ sở .....	9
3.5. Phương thức bảo quản và vận chuyển xăng dầu.....	10
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở .....	10
4.1.Nhu cầu sử dụng điện.....	10
4.2. Nhu cầu sử dụng nước.....	10
4.3. Nhu cầu máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động kinh doanh.....	10
Chương II .....	13
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	13
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường .....	13
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:.....	13
Chương III.....	15
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CƠ SỞ .....	15
1. Chương trình, biện pháp thoát mưa, thu gom và xử lý nước thải .....	15
1.1.Thu gom, thoát nước mưa .....	15
1.2. Thu gom, thoát nước thải .....	15
1.3. Xử lý nước thải.....	15
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải .....	19
2.1. Đối với bụi phát sinh từ hoạt động giao thông.....	19
2.2. Đối với khí thải và tiếng ồn của máy phát điện dự phòng .....	19
2.3. <u>Biện pháp giảm thiểu tác động do hơi xăng dầu .....</u>	<u>20</u>

*Chủ cơ sở: Công ty xăng dầu Quân đội khu vực I*

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn .....	
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt.....	19
3.2. Chất thải nguy hại .....	21
4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở .....	22
5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	22
5.1. Giảm thiểu sự cố cháy nổ tại cửa hàng xăng dầu.....	22
5.2. Giảm thiểu sự cố tràn dầu khu vực cửa hàng.....	23
5.3. Giảm thiểu tai nạn giao thông trong khu vực cửa hàng .....	23
CHƯƠNG IV.....	25
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG .....	25
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải .....	25
1.1. Nguồn phát sinh nước thải .....	25
1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa.....	25
1.3. Dòng nước thải: 01 dòng.....	25
1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải ..	25
1.5. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải .....	25
Chương V .....	27
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CƠ SỞ.....	27
1.Kết quả quan trắc môi trường đối với khí thải trong quá trình lập báo cáo.....	27
2.Kết quả quan trắc môi trường đối với nước mặt trong quá trình lập báo cáo .....	27
Chương VI.....	29
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CỦA MÔI TRƯỜNG CƠ SỞ .....	29
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở: .....	29
CHƯƠNG VII .....	30
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	30
Chương VIII .....	31
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ .....	31
PHỤ LỤC BÁO CÁO .....	33

## **DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

BTCT:	Bê tông cốt thép
BOD:	Nhu cầu oxy sinh hóa
CBNV:	Cán bộ nhân viên
COD:	Nhu cầu oxy hóa học
CTNH:	Chất thải nguy hại
CTR:	Chất thải rắn
HTXL:	Hệ thống xử lý
PCCC:	Phòng cháy chữa cháy
UBND:	Ủy ban nhân dân
TCXDVN:	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
TCVN:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
BTNMT:	Bộ Tài Nguyên và Môi trường

## **DANH MỤC BẢNG**

Bảng 1.1. Tổng hợp nhu cầu cấp nước của cửa hàng .....	11
Bảng 2.1. Tải lượng ô nhiễm tối đa của nguồn nước mặt có thể tiếp nhận ( $L_{td}$ ) .....	14
Bảng 2.2. Tải lượng chất ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận ( $L_n$ ) .....	15
Bảng 2.3. Khả năng tiếp nhận nước thải tại khu vực .....	15
Bảng 3.1. Thành phần của rác thải sinh hoạt .....	20
Bảng 3.2. Danh mục CTNH của cửa hàng trong tháng .....	21
Bảng 4.1. Giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm nước thải .....	24
Bảng 4.2. Vị trí tọa độ xả thải .....	26
Bảng 5.1. Phương pháp thử nghiệm khí thải.....	27
Bảng 5.2 Kết quả quan trắc khí thải .....	27
Bảng 5.3. Phương pháp thử nghiệm nước mặt.....	27
Bảng 5.4 Kết quả quan trắc nước mặt .....	28

## **DANH MỤC HÌNH**

Hình 1.1. Vị trí của cơ sở .....	6
Hình 1.2. Bể chứa chôn ngầm bằng hệ thống nhập kín .....	8
Hình 1.3. Quy trình nhập và bán lẻ xăng dầu.....	9
Hình 1.4. Sơ đồ nguyên lý cấp nước .....	10
Hình 1.5. Hình ảnh trạm xăng dầu số 37.....	11
Hình 3.1. Sơ đồ thoát nước mưa hiện tại của cửa hàng .....	17
Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống xử lý thu gom nước thải .....	17
Hình 3.3. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt.....	18
Hình 3.4. Sơ đồ thu gom nước thải nhiễm dầu .....	19
Hình 3.5. Cấu tạo bể tách dầu .....	19
Hình 3.6. Sơ đồ quy trình thu gom rác thải sinh hoạt .....	20

## **Chương I**

### **THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ**

#### **1. Tên chủ cơ sở:**

##### **Công ty Xăng dầu Quân đội khu vực 1**

- Địa chỉ trụ sở chính: khu Hạ Đoạn 2, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn Nghĩa

- Chức vụ: Giám đốc

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100108688-024 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/11/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 07/08/2023.

- Mã số thuế: 0100108688-024

#### **2. Tên cơ sở:**

##### **Trạm xăng dầu số 37**

- Địa điểm cơ sở: xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

##### **\* Vị trí cơ sở:**

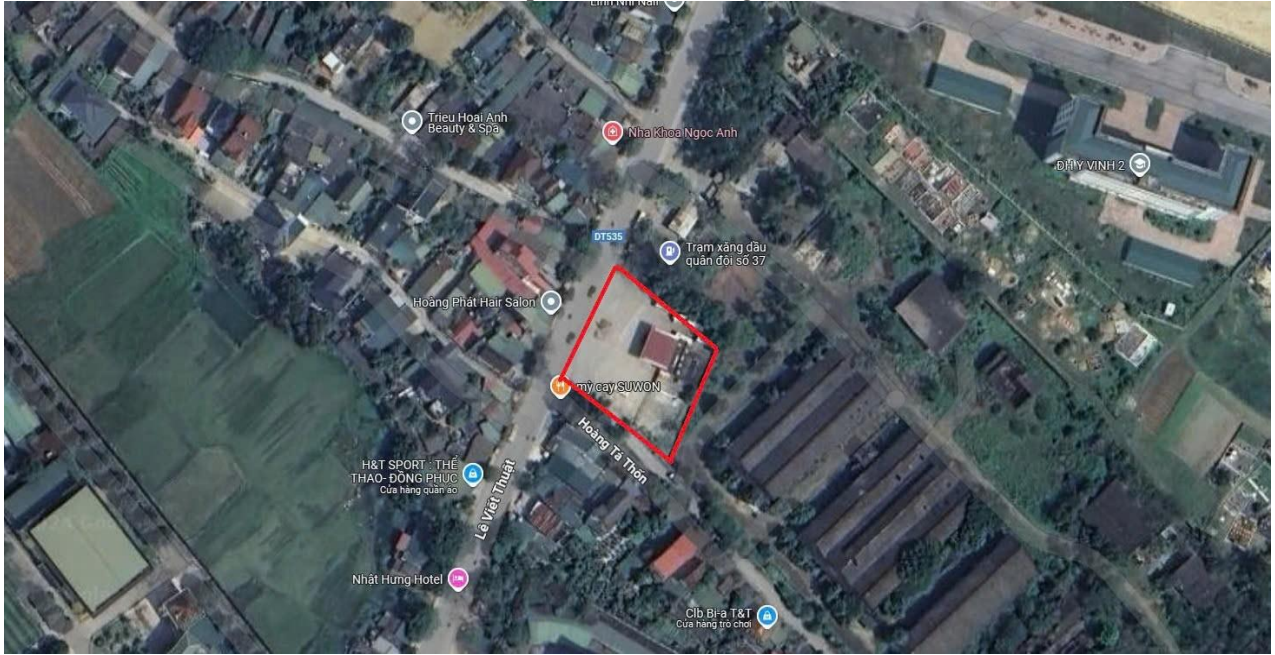
+ Phía Bắc giáp: đường Hoàng Tá Thốn;

+ Phía Nam giáp: Hải đội 137 Hải quân;

+ Phía Đông giáp: Hải đội 137 Hải quân;

+ Phía Tây giáp: Đường Lê Viết Thuật.

*Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Trạm xăng dầu số 37 tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.*



**Hình 1.1. Vị trí của cơ sở**

**\* Các giấy tờ pháp lý của cơ sở:**

- Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu số 293L3/GCNĐĐK-SCT do Sở Công thương Nghệ An cấp ngày 21/08/2024, cấp lần thứ nhất ngày 03/09/2014; cấp lần thứ hai ngày 10/09/2019; cấp lần thứ ba ngày 21/08/2024.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 07/TD-PCCC (2009) ngày 19/01/2009 do Công an tỉnh Nghệ An cấp.

- Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường số 32/GXN-UBND do Ủy ban nhân dân thành phố Vinh cấp ngày 16/7/2009.

**\* Quy mô của cơ sở:**

- Loại hình cơ sở: Cơ sở thuộc lĩnh vực công nghiệp. Cơ sở đã được cấp giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường số 32/GXN-UBND do UBND thành phố Vinh cấp ngày 16/7/2009. Căn cứ khoản 4, điều 41 Luật Bảo vệ môi trường cơ sở là đối tượng cấp giấy phép môi trường cấp Huyện/thành phố. Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường được thực hiện theo mẫu phụ lục XII kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

**3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở:**

**3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:**

Tổng diện tích khu đất thực hiện dự án  $S = 1.000 \text{ m}^2$ . Cơ sở đầu tư kinh doanh xăng dầu tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Cửa hàng có quy mô 01 tầng để phục vụ kinh doanh xăng dầu trong đó:

- Dịch vụ cửa hàng xăng dầu:  $100 \text{ m}^3/\text{tháng}$ .



- Khu vực bể chứa xăng dầu: 03 bể với tổng dung tích của các bể là 75m<sup>3</sup>. Hồ van chung có nắp đậy với kích thước 1m x 1m x 0,35m. Bể được bảo quản chống ăn mòn và chôn ngầm dưới đất có hệ neo chống nổi bể, được nối với hệ tiếp địa chống tĩnh điện lan truyền, cột thu chống sét đánh thẳng, hệ thống thu hồi hơi xăng dầu trong quá trình nhập hàng xuống bể chứa giảm thiểu hơi xăng dầu thoát ra môi trường và đảm bảo an toàn cháy nổ. Cụ thể:

+ 03 bể chứa, gồm: 02 bể chứa xăng với dung tích mỗi bể là 25m<sup>3</sup>; 01 bể chứa dầu DO 0,05S-II có dung tích 25 m<sup>3</sup>.

+ Hệ thống công nghệ nhập: 03 đường ống nhập bằng thép tráng kẽm từ hố họng nhập kín đến các bể chứa ngầm.

+ Hệ thống van thở: 03 van thở thông hơi xăng dầu bằng ống thép tráng kẽm từ bể chứa ngầm ra các van thở.

Hệ thống thu hồi hơi xăng dầu: 03 đường ống thu hồi hơi xăng dầu bằng thép tráng kẽm từ hố họng nhập kín đến các ống công nghệ van thở.



**Hình 1.2. Bể chứa chôn ngầm bằng hệ thống nhập kín**

Khu vực nhà mái che cột bơm: Khu vực bán xăng dầu được kết cấu trụ bê tông cốt thép, mái lợp tôn, Có chiều dài và chiều cao phù hợp để phương tiện ra vào thuận lợi. Diềm mái trùng với mép lộ giới, nền được kết cấu bằng bê tông chịu lực, hệ thống điện chiếu sáng đồng bộ.

Số lượng cột bơm: Được lắp đặt 03 cột bơm điện tử, Tatsuno, gồm 05 vòi bơm với công suất 40 - 70 lít/phút. Trong đó, 02 vòi bơm dầu Diezel 0,05S - II; 02 vòi bơm xăng E5 Ron 92 và 01 vòi bơm xăng Ron 95.

---

*Chủ cơ sở: Công ty xăng dầu Quân đội khu vực I*

Hệ thống đường ống công nghệ xuất: các đường ống xuất bằng ống thép tráng được đặt trong rãnh bê tông từ các bể chôn ngầm dẫn đến cột bơm. Trong đó 02 đường ống xuất xăng Ron 92 và xăng Ron 95; 01 đường ống xuất dầu Diesel 0,05S-II.

- Sân bãi được đổ bê tông có độ dốc đổ về mương thu gom nước.

- Khu vực nhà làm việc: Nhà cấp 4, có diện tích khoảng 100m<sup>2</sup>. Kết cấu xây dựng với tường xây gạch, trụ bê tông cốt thép, trát vữa xi măng, nền gạch men, cửa loại nhôm kính mở ra ngoài, la thông tôn chịu nhiệt. Hệ thống điện đi ngầm. Bên trong bố trí nhà làm việc: 01 phòng cửa hàng trưởng, 01 phòng giao dịch bán hàng, 02 phòng vật tư.

- Hệ thống xử lý nước thải gồm mương thu gom nước mặt dẫn về bể xử lý bằng lắng tách dầu trước khi xả vào hệ thống thoát nước khu vực.

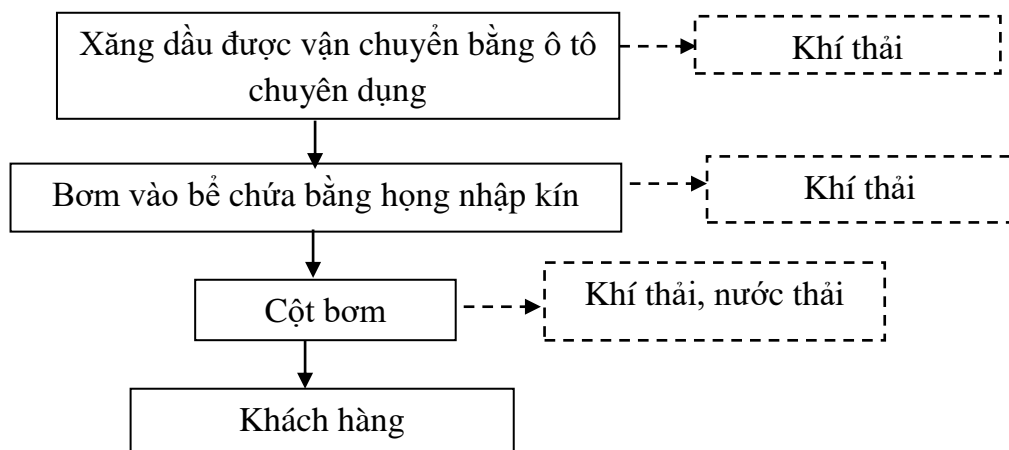
- Hệ thống điện chiếu sáng dây đi trong ống nhựa chống cháy chôn ngầm.

- Xung quanh cơ sở theo 3 hướng: Đông, Nam, Bắc có xây tường rào bao bọc cao trên 2,5m.

### 3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Trạm xăng dầu số 37 được đầu tư xây dựng với mục đích kinh doanh, bán lẻ xăng dầu với thời gian hoạt động: bắt đầu từ 5h sáng và kết thúc lúc 22h trong ngày để đáp ứng nhu cầu cho người và phương tiện tham gia giao thông. Vào ban đêm cửa hàng bố trí 01 nhân viên trực.

Quy trình nhập và bán lẻ xăng dầu tại cơ sở:



Hình 1.3. Quy trình nhập và bán lẻ xăng dầu

#### **Thuyết minh:**

Xăng, dầu từ xe ô tô xitec chuyên dụng vận chuyển về Cửa hàng xăng dầu và được nhập vào bể chứa chôn ngầm bằng hệ thống nhập kín. Hệ thống nhập kín là hệ thống công nghệ bảo đảm quá trình nhập không phát tán hơi xăng dầu tại họng nhập của bể mà chỉ cho hơi xăng dầu thoát ra tại van thở. Xăng dầu từ xe ô tô xitec chảy qua ống mềm

liên kết với họng nhập bằng các khớp nối bảo đảm kín tuyệt đối và đi vào bể chứa. Sau đó xăng dầu từ các bể chứa được xuất bán qua cột bơm điện tử bằng vòi cấp tự ngắt.

Hệ thống ống công nghệ xuất nhập được thiết kế bằng ống thép chạy trong rãnh công nghệ và được lắp đặt theo đúng quy phạm an toàn. Máy bơm sử dụng là máy bơm ly tâm và có hiển thị bằng số điện tử.

Các bể đều được lắp đặt van thở trong có thiết bị ngăn tia lửa, lắp đặt hệ thống tiếp đất phòng chống sét đánh thẳng cho van thở và phòng chống tĩnh điện theo quy định của nhà nước.

### **3.3. Sản phẩm của cơ sở:**

Sản phẩm cung ứng của cửa hàng là xăng và dầu Diesel 0,05S-II.

### **3.4. Thiết bị của cơ sở:**

Cột bơm: Được lắp đặt 03 cột bơm điện tử Tatsuno, gồm 05 vòi bơm với công suất 40-70 lít/phút. Trong đó, 02 vòi bơm dầu Diezel 0,05S - II; 02 vòi bơm xăng E5 Ron 92 và 01 vòi bơm xăng Ron 95. Các cột bơm này được kiểm tra chất lượng định kỳ theo quy định.

### **3.5. Phương thức bảo quản và vận chuyển xăng dầu**

Xăng dầu được vận chuyển bằng xe xitec của đơn vị chuyên cung cấp xăng dầu nhập vào các bể của cửa hàng qua ống mềm bằng hình thức nhập kín. Cửa hàng nằm trong khu vực thông thoáng nên thuận lợi cho việc vận chuyển xăng dầu.

Xăng dầu được bảo quản trong các bồn bể ngầm và được dẫn ra hệ thống cấp phát để xuất thông qua hệ thống công nghệ đi ngầm nối với bồn bể.

## **4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở**

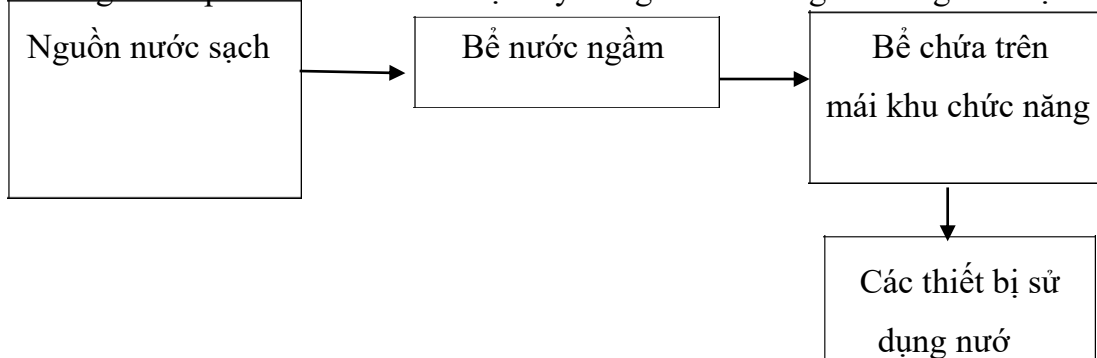
### **4.1. Nhu cầu sử dụng điện**

Nguồn điện cấp cho cơ sở được lấy hệ thống 35kV trong khu vực..

### **4.2. Nhu cầu sử dụng nước**

#### **a. Nguồn cung cấp nước**

Nguồn cấp nước cho cơ sở được lấy từ nguồn nước ngầm trong khu vực.



**Hình 1.4. Sơ đồ nguyên lý cấp nước**

## b. Nhu cầu sử dụng nước

- Tiêu chuẩn:

+ Cấp nước sinh hoạt cho cán bộ công nhân viên khu vực bán hàng, thương mại: 100 lít/người/ngày.đêm, khách đến mua hàng 10 lít/người.ngày.đêm (QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng)

+ Cấp nước tưới cây: 2 lít/m<sup>2</sup>.ngày.đêm (QCXDVN 01:2021).

+ Cấp nước chữa cháy theo TCVN 2622-1995: Cấp nước chữa cháy ngoài nhà là 25 lít/s, thời gian mỗi đám cháy 3 giờ, tính cho 1 đám cháy; cấp nước chữa cháy trong nhà là 02 họng chữa cháy, lưu lượng mỗi họng là 2,5l/s.

- Quy mô tính toán:

+ Nhân viên làm việc tại dự án: 100 lít/người/ngày.đêm (làm việc 2 ca/ngày)

+ Khách hàng đến mua hàng xăng dầu, dịch vụ thương mại: 100 người/ngày, tiêu chuẩn cấp nước: 10 lít/người.ngày.đêm.

**Bảng 1.1. Tổng hợp nhu cầu cấp nước của cửa hàng**

TT	Đối tượng dùng nước	Đơn vị	Số lượng	Tiêu chuẩn cấp nước	Công suất (m <sup>3</sup> /ngày.đêm)
1	Khách hàng	Người	<b>100</b>	10 l/ng/ng.đ	<b>1,0</b>
2	Nhân viên làm việc	Người	<b>06</b>	100 l/ng/ng.đ	<b>0,6</b>
3	Nước rửa sàn, vệ sinh	m <sup>3</sup>	<b>S = 100</b>	2 l/m <sup>2</sup> sàn	<b>0,2</b>
<b>Q<sub>sh</sub> = 1 + 2 + 3</b>					<b>1,8</b>
4	Nước tưới cây, rửa đường	m <sup>3</sup>	<b>S = 900</b>	2 l/m <sup>2</sup>	<b>1,8</b>
5	Nước PCCC	m <sup>3</sup>	<b>3 giờ</b>	2,5 l/s	<b>27</b>

### 4.3. Nhu cầu máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động kinh doanh

- Thiết bị cho văn phòng làm việc như: máy tính, điện thoại, máy in, hệ thống camera...

- Thiết bị phục vụ hạ tầng kỹ thuật: máy bơm nước, tủ điện...



**Hình 1.5. Trạm xăng dầu số 37**

## Chương II

### SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

#### 1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Vị trí Trạm xăng dầu số 37 tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An có lợi thế đặc biệt thuận tiện. Hệ thống giao thông thuận lợi, nằm sát tuyến đường Lê Viết Thuật.

*- Quy hoạch BVMT Quốc gia:*

Dự án phù hợp với Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/07/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Cụ thể, cơ sở phù hợp với mục tiêu chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm và suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện được chất lượng môi trường.

*- Chiến lược BVMT Quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030:*

Dự án phù hợp với Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05/09/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Cụ thể, dự án phù hợp với nhóm mục tiêu cải thiện điều kiện sống của người dân.

Theo Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022, dự án có các giải pháp bảo vệ môi trường phù hợp với các nhóm nhiệm vụ của chiến lược, bao gồm: nhóm giải pháp chủ động phòng ngừa, kiểm soát, ngăn chặn các tác động xấu lên môi trường, các sự cố môi trường; nhóm giải pháp chủ động phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; nhóm giải pháp tăng cường quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại.

*- Quy hoạch tỉnh Nghệ An:*

Dự án phù hợp với Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 1059/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 của Thủ tướng chính phủ.

+ Về phương hướng phát triển các ngành quan trọng của tỉnh: phát triển các ngành dịch vụ nhanh, hiệu quả, bền vững, đảm bảo các dịch vụ cơ bản với chất lượng ngày càng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh dự án thuộc vùng 1 và ngành du lịch;

+ Về phương án phân vùng bảo vệ môi trường: Nhà máy không thuộc danh mục vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải.

Dự án phù hợp với Quyết định số 5441/QĐ-UBND.CN về việc Phê duyệt Quy hoạch phát triển Công nghiệp tỉnh Nghệ An đến năm 2025, có tính đến năm 2030.

- Quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất thành phố Vinh:

+ Quyết định số 113/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nghệ An ngày 08/04/2024 phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Vinh.

+ Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 30/06/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch thành phố Vinh.

## 2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:

Cơ sở có vị trí tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Theo kết quả điều tra mạng lưới 2023 thì chất lượng không khí tại khu vực cơ sở chưa có dấu hiệu ô nhiễm.

Để đánh giá khả năng chịu tải: Để đánh giá tác động của hoạt động xả thải từ cơ sở đến chất lượng của nguồn nước mặt chảy qua cơ sở thì đầu tiên phải đánh giá khả năng nhận thải hiện tại của nó và với khả năng đó có đáp ứng được nhu cầu xả thải của cơ sở hay không, để xem xét mối tương quan này chúng tôi đã tiến hành phân tích, đánh giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017, của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải; thông tư 02/2020/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 về Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường thì sức chịu tải của nguồn nước, cụ thể như sau:

- Tải lượng tối đa chất ô nhiễm mà nguồn nước có thể tiếp nhận đối với một chất ô nhiễm cụ thể được tính theo công thức:

$$L_{td} = Q_s \times C_{tc} \times 86,4$$

Trong đó:

$L_{td}$  (kg/ngày) là tải lượng ô nhiễm tối đa của nguồn nước đối với chất ô nhiễm đang xem xét;

$Q_s$  (m<sup>3</sup>/s) là lưu lượng dòng chảy tức thời nhỏ nhất tại nguồn tiếp nhận cần đánh giá trước khi tiếp nhận nước thải, (8,1 m<sup>3</sup>/s);

$C_{tc}$  (mg/l) là giá trị giới hạn nồng độ chất ô nhiễm đang xem xét được quy định tại cột B của QCVN 08:2023/BTNMT;

**86,4** là hệ số chuyển đổi đơn vị thứ nguyên từ (m<sup>3</sup>/s)\*(mg/l) sang (kg/ngày).

Căn cứ công thức trên ta tính được tải lượng các chất ô nhiễm tối đa mà nguồn nước có thể tiếp nhận.

Kết quả tính toán tải lượng ô nhiễm được trình bày tại bảng sau .:

**Bảng 2.1. Tải lượng ô nhiễm tối đa của nguồn nước mặt có thể tiếp nhận ( $L_{td}$ )**

Thông số	COD	TSS	BOD <sub>5</sub>	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	Coliform
----------	-----	-----	------------------	------------------------------	----------



<b>C<sub>tc</sub></b>	15	100	6	0,3	5000
<b>Q<sub>s</sub></b>	8,1	8,1	8,1	8,1	8,1
<b>Hệ số</b>	86,4	86,4	86,4	86,4	86,4
<b>L<sub>td</sub> (kg/ngày)</b>	10497,6	69984	4199,04	209,952	3499200

- Tính tải lượng ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận: Tải lượng ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận đối với một chất ô nhiễm cụ thể được tính toán theo công thức sau:

$$L_{tn} = Q_s \times C_s \times 86,4$$

Trong đó:

**L<sub>n</sub> (kg/ngày):** Tải lượng chất ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận.

**Q<sub>s</sub> (m<sup>3</sup>/s):** Lưu lượng dòng chảy tức thời của nguồn tiếp nhận (được đo bằng máy đo lưu tốc kế: Q<sub>s</sub> = 8,1 m<sup>3</sup>/s).

**C<sub>s</sub> (mg/l):** Giá trị nồng độ cực đại của chất ô nhiễm trong nguồn nước trước khi tiếp nhận nước thải (theo kết quả phân tích mẫu nước nguồn tiếp nhận).

Từ công thức đánh trên, ta tính được tải lượng ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận như sau:

**Bảng 2.2. Tải lượng chất ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận (L<sub>n</sub>)**

Thông số	COD	TSS	BOD <sub>5</sub>	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	Coliform
<b>C<sub>s</sub></b>	11	28	4,5	0,18	2500
<b>Q<sub>s</sub></b>	8,1	8,1	8,1	8,1	8,1
<b>Hệ số</b>	86,4	86,4	86,4	86,4	86,4
<b>L<sub>n</sub> (kg/ngày)</b>	7698,24	19595,52	3149,28	125,97	1749600

Phương pháp đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nước mặt nguồn tiếp nhận bằng phương pháp đánh giá trực tiếp: Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải sức chịu tải của nguồn tiếp nhận được thực hiện trên cơ sở giới hạn tối đa của từng thông số, đánh giá theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt, lưu lượng và kết quả phân tích chất lượng nguồn nước.

$$L_{tn} = (L_{td} - L_n) \cdot F_s$$

Trong đó **F<sub>s</sub>**: Hệ số an toàn, chọn F<sub>s</sub> = 0,5.

**Bảng 2.3. Khả năng tiếp nhận nước thải tại khu vực nhận thải**

Thông số	COD	TSS	BOD <sub>5</sub>	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	Coliform
<b>L<sub>td</sub></b>	10497,6	69984	4199,04	209,952	3499200



*Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Trạm xăng dầu số 37 tại xã Hưng  
Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An*

---

---

<b>L<sub>mn</sub></b>	7698,24	19595,52	3149,28	125,97	1749600
<b>F<sub>s</sub></b>	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
<b>L<sub>tn</sub> (kg/ngày)</b>	1399,68	25194,5	524,88	98.491	874800

Qua kết quả tính toán ở bảng trên ta thấy giá trị L<sub>tn</sub> có 5 thông số ô nhiễm dương (>0). Như vậy mương thoát nước cạnh dự án có thể tiếp nhận được các thông số ô nhiễm nói trên.

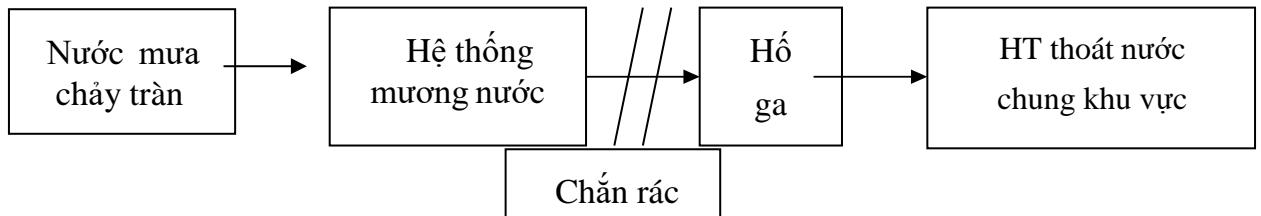
### Chương III

## KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CƠ SỞ

### 1. Chương trình, biện pháp thoát mưa, thu gom và xử lý nước thải

#### 1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hình 3.1. Sơ đồ thoát nước mưa hiện tại của cửa hàng



Biện pháp xử lý nước mưa chảy tràn được thực hiện như sau:

- Thoát nước mưa theo mương thoát nước bê tông D=300. Trên mương thoát có các tấm đan rãnh thoát bằng gang cầu có khe thoát xung quanh các công trình. Mương thoát nước mưa với chiều dài khoảng 160m. Trên mương bố trí các hố ga để thu nước mưa đồng thời lắng đất cát trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

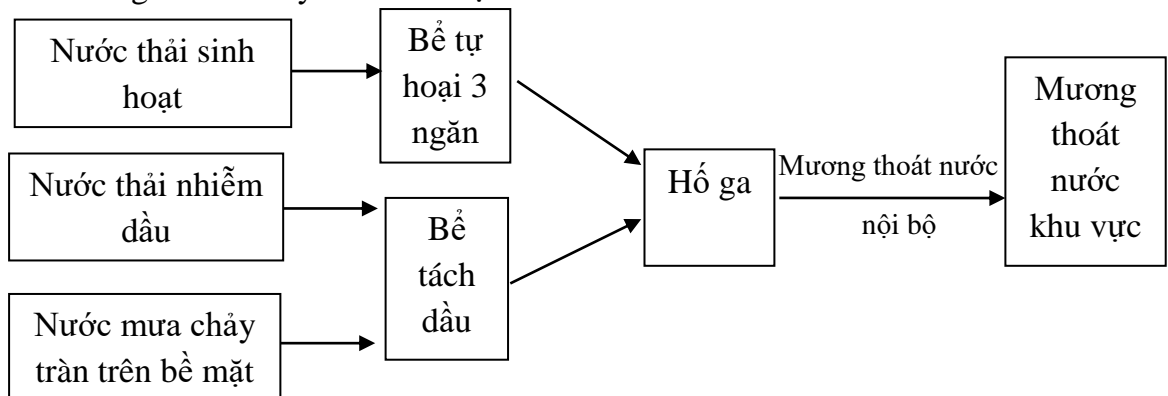
- Đối với nước mưa chảy tràn trên mái nhà, lắp đặt các ống nhựa UPVC để thu nước mái chảy xuống chân công trình, hai bên đường nội bộ bố trí hố ga thu gom (khoảng cách các hố từ 15 ÷ 20 m) vừa để thu nước đồng thời lắng đất cát với độ dốc trung bình khoảng 2% và tập trung vào hệ thống cống chính và thoát ra hệ thống thoát nước khu vực.

- Nạo vét các hố ga, mương định kỳ (3 tháng/lần).

- Thường xuyên kiểm tra và kịp thời sửa chữa các hệ thống mương thoát nước mưa khi bị hư hỏng.

#### 1.2. Thu gom, thoát nước thải

Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải tại cơ sở:



Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống xử lý thu gom nước thải

➤ *Nước thải sinh hoạt*

- Nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại; hoạt động rửa mặt, tay chân của cơ sở được thu gom đưa xuống hầm tự hoại 03 ngăn để xử lý (Bể có kết cấu bằng bê tông cốt thép, thể tích 3,0 m<sup>3</sup> đặt ngầm dưới nhà giao dịch bán hàng). Nước sau khi xử lý được dẫn theo đường ống ra hệ thống thoát nước của cơ sở rồi chảy ra mương thoát nước của khu vực.

➤ *Nước thải nhiễm dầu*

Nước thải bao gồm nước vệ sinh nền bãi, súc rửa bể chứa xăng dầu, nước mưa chảy tràn có dính dầu được thu gom theo hệ thống mương dẫn nội bộ rồi qua bể tách dầu xử lý trước khi chảy ra hệ thống thoát nước của khu vực.

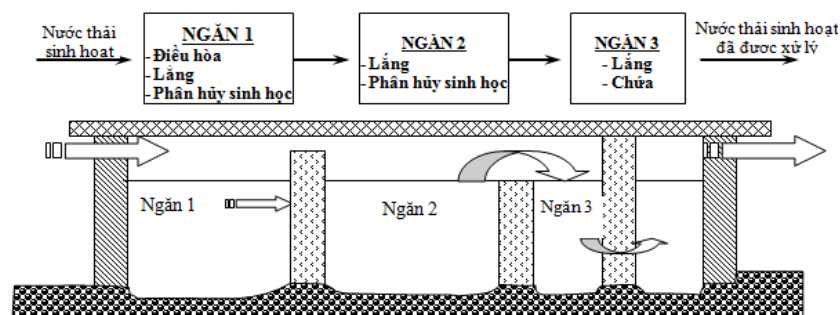
Nước thải sau xử lý theo hệ thống đường ống nội bộ sau đó dẫn về nguồn tiếp nhận là mương thoát nước cạnh dự án. Đây cũng là nơi tiếp nhận toàn bộ nước mưa và nước thải của một số hộ dân và cơ sở xung quanh cửa hàng.

### 1.3. Xử lý nước thải

*Nước thải sinh hoạt được phân thành các dòng để xử lý:*

**Dòng thứ 1:** Nước thải từ quá trình thải của con người (từ các nhà vệ sinh), nước thải này có hàm lượng BOD và COD cao: Chủ cơ sở xây dựng các bể tự hoại 3 ngăn để xử lý. Bể tự hoại được đầu tư xây dựng dưới nhà vệ sinh của cơ sở. Cặn ở bể tự hoại định kỳ khoảng 06 tháng sẽ được hút 1 lần bằng cách thuê các phương tiện chuyên dụng. Nước sau quá trình xử lý ở bể tự hoại theo hệ thống thoát nước thải của cơ sở rồi chảy ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

#### Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn



Hình 3.3. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt

#### **Nguyên tắc hoạt động:**

Nước thải sinh hoạt từ các bệ xí, chậu tiểu của nhà vệ sinh được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn. Bể tự hoại là công trình làm đồng thời 2 chức năng: Lắng và phân hủy cặn lắng. Chất hữu cơ và cặn lắng trong bể tự hoại dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí (yếm khí) sẽ bị phân hủy, một phần tạo các chất khí và một phần tạo ra các chất vô cơ hòa tan. Nước thải qua bể tự hoại được lắng cặn và lên men (cặn lắng chủ yếu là chất hữu cơ không tan). Cặn lắng được giữ trong bể 6 tháng, dưới tác động của vi khuẩn yếm khí cặn được phân hủy thành các chất khí và không hòa tan, nước được lưu từ 3-4 ngày đảm bảo xử lý hiệu quả.

Cơ sở xây dựng 01 bể tự hoại 3 ngăn, dung tích bể 3,0 m<sup>3</sup> (các thông số của bể tự hoại là 2m x 1.5m x 1m) bố trí ngầm tại khu vực nhà giao dịch bán hàng.

**Đánh giá hiệu quả của biện pháp giảm thiểu:**

- + Bể tự hoại vận hành đơn giản;
- + Không tốn chi phí vận hành do không sử dụng điện năng, hóa chất,...
- + Yêu cầu kỹ thuật trong lắp đặt vận hành đơn giản.

**Dòng thứ 2:** Nước thải nhiễm dầu tại cửa hàng xăng dầu: Nước thải này bao gồm nước vệ sinh nền bãi, nước mưa chảy tràn có dính dầu.

+ Nước vệ sinh nền bãi có lẫn dầu: phát sinh trong quá trình vệ sinh nền bãi, nước vệ sinh thiết bị và các phương tiện.

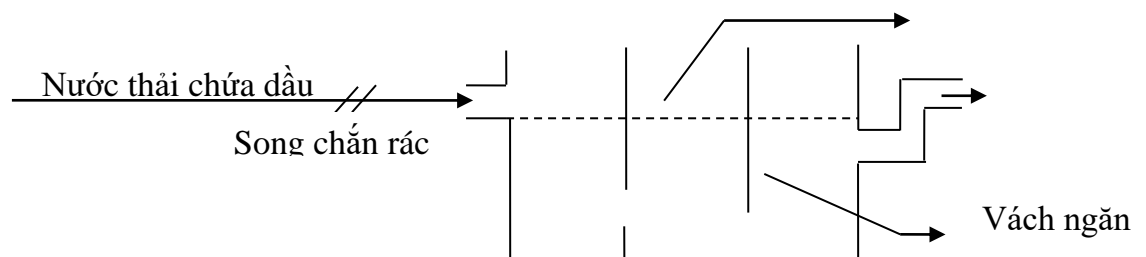
+ Nước mưa chảy tràn qua khu vực có dính dầu: nước mưa lẫn dầu chỉ phát sinh tại vị trí rò rỉ, rơi vãi xăng dầu như vị trí xả đáy hờ trong khu bể, trong trường hợp sau khi súc rửa bể, tách nước đáy bể mà không vệ sinh kịp thời, khu vực xuất bị tràn vãi xăng dầu, bãi van bị rò rỉ mà không sửa chữa kịp thời.

Như vậy, lượng nước thải này phát sinh khi trời mưa và lưu lượng được tính theo công thức:  $Q = 0.278.K.I.F$

Trong đó:

- Q: Lưu lượng cực đại của nước mưa chảy tràn, m<sup>3</sup>/h;
- K: Hệ số chảy tràn, phụ thuộc đặc điểm bề mặt đất,  $k = 0,5 - 0,7$ ; chọn  $k = 0,6$ ;
- I: Cường độ mưa trung bình. Lượng mưa ngày lớn nhất 240,5mm/ngày.
- F: Diện tích khu vực (m<sup>2</sup>) , lấy theo phần diện tích các móng bồn chứa xăng dầu  $F = 20m^2$ .

$$Q = 0,278 \times 0,6 \times 0,240 \times 20 = 0,8m^3.$$



**Hình 3.5. Cấu tạo bể tách dầu**

*Nguyên lý hoạt động của bể tách dầu:* Nước nhiễm dầu phát sinh sẽ được dẫn vào bể tách dầu. Tại đây, toàn bộ nước, váng dầu và rác thải chảy vào ngăn số 1. Tiếp đó chỉ có váng dầu và nước chảy sang ngăn số 2. Váng dầu cho bên mặt trên ngăn số 1 và ngăn số 2. Tại ngăn số 2 nước nặng hơn sẽ chảy qua ngăn số 3 và thoát ra ngoài; lớp

dầu thô trên mặt nước được thiết bị vớt tách dầu loại ra khỏi nước và được đưa tới thùng chứa dầu tại khu vực chứa CTNH. Sơ đồ mặt cắt bể tách dầu như sau:

Chủ cơ sở bố trí 01 bể tách dầu kích thước 1,5m× 0,5m×0,5m bằng bê tông đặt ngầm tại phía Đông ngay sau nhà giao dịch bán hàng để thu gom và xử lý nước thải nhiễm dầu trước khi chảy ra mương thoát nước cạnh dự án.

**\*Ưu điểm:**

+ Phương pháp xử lý đơn giản, vừa có nhiệm vụ thu dầu mỡ nổi trên mặt vừa lắng cặn có trọng lượng lớn. Tạo điều kiện cho các phương pháp xử lý tiếp theo tốt hơn.

+ Mức độ khả thi cao.

- Hiệu quả của biện pháp: Nhìn chung phương pháp cho hiệu quả xử lý dầu rất tốt. Hầu hết phần dầu nổi sẽ được tách tại đây.

Nước sau khi xử lý đạt QCVN 29:2010/BTNMT (Quy chuẩn quốc gia về nước thải công nghiệp áp dụng cho kho xăng dầu và cửa hàng xăng dầu trong kinh doanh; các kho xăng dầu dự trữ quốc gia và các kho xăng dầu phục vụ An ninh quốc phòng), cột B (Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe) trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận là mương thoát nước khu vực đoạn chảy qua xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

## **2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải**

### **2.1. Đối với bụi phát sinh từ hoạt động giao thông**

- Đề ra nội quy ra vào khu vực dự án đối với toàn thể nhân viên làm việc trong Cửa hàng.

- Nhân viên hướng dẫn khách hàng vị trí đỗ và dừng xe.

- Bố trí hợp lý hệ thống cây xanh xung quanh Cửa hàng, cạnh hàng rào để giảm thiểu khả năng phát tán của bụi và tiếng ồn. Tăng cường trồng cây xanh và thảm cỏ để tạo cảnh quan thân thiện môi trường. Đảm bảo độ che phủ cây xanh đạt 10-20% diện tích toàn khu.

- Bụi do các phương tiện vận chuyển trong khuôn viên cửa hàng do các phương tiện vận chuyển thô sơ như xe gắn máy, xe ô tô sẽ được khắc phục bằng cách phun ẩm đường nội bộ vào các thời điểm nắng nóng để giảm thiểu phát sinh bụi gây ô nhiễm.

### **2.2. Biện pháp giảm thiểu tác động do hơi xăng dầu**

- Cửa hàng thực hiện nạp xăng dầu bằng hệ thống nạp kín, hệ thống thu hồi hơi xăng dầu. Hệ thống nạp kín xăng dầu ngăn chặn được các nguy cơ mất an toàn trong quá trình nạp, xuất hàng và phát tán hơi xăng dầu ra môi trường xung quanh. Thời gian nạp hàng bằng hệ thống này thường nhanh so với phương pháp nạp hở.

- Bể luôn ở tình trạng kín, các thiết bị ở tình trạng hoạt động tốt;

- Quá trình nạp xuất xăng dầu luôn ở chế độ nhúng chìm;

- Các bể chứa đều được chôn ngầm, có đai cáp liên kết chắc chắn vào hệ thống dầm chống nổi bể;

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì những khe hở, những chỗ rò rỉ trên hệ thống ống dẫn để giảm thiểu lượng nhiên liệu thất thoát và bay hơi;

- Trang bị bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên tại khu vực bán xăng, dầu như khẩu trang, găng tay,... để hạn chế mùi và hơi xăng dầu.

Khu vực bể ngầm của cửa hàng được xây dựng như sau:

- Khu vực bể chứa xăng dầu ngầm có diện tích khoảng 20m<sup>2</sup>. Tại đây có 05 bể chứa ngầm, có hệ thống thu hồi hơi.

- Bể được chế tạo bằng thép tấm dày 04 - 06 mm, có vành tăng cứng bên trong, liên kết bằng hàn điện, bể có 01 cổ để bố trí hệ thống công nghệ xuất, nhập. Bể trước khi đưa vào sử dụng được thử kín, bền với áp lực 0,6 kg/m<sup>2</sup> theo quy định. Trước khi chôn, bể được sơn chống gỉ bằng nhựa đường số 04 đun sôi và bọc 02 lớp vải thủy tinh và 03 lớp nhựa đường.

- Khu vực bể chứa được xây dựng đảm bảo yêu cầu theo Mục 7 Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4530:2011 về cửa hàng xăng dầu - yêu cầu thiết kế do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành. Đồng thời bể chôn ngầm để đảm bảo an toàn PCCC, kết cấu các hạng mục công trình trong khu nhập dầu đều làm bằng vật liệu không cháy. Các bể chứa dầu đều được nối với van thở có bình ngăn tia lửa để đảm bảo an toàn khi xuất nhập và chống độc hại cho công nhân vận hành. Để đảm bảo ổn định bể chứa khi nhiệt độ môi trường và áp lực làm việc thay đổi mỗi bể chứa phải được bố trí một van thở kiểu CMK - 50 hoặc tương đương.

- Nền khu bể lán xi măng: Trên bể có nắp đậy kín che mưa, trong các hố ga bố trí các thiết bị công nghệ xuất, nhập, đường thở, đo bể thuận tiện cho việc thao tác vận hành. Khoảng 12 - 18 tháng, cửa hàng sẽ tiến hành vệ sinh bể chứa 01 lần.

- Khu vực này có 03 van thở, 03 họng nhập lần lượt cho cho 03 bể chứa.

### **3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn**

#### **3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:**

Nguồn chất thải rắn của cơ sở chủ yếu là rác thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên và khách hàng. Thành phần gồm: chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (có nguồn gốc từ nhựa, kim loại, giấy vụn), chất thải thực phẩm (rau, củ, quả, thức ăn thừa), chất thải rắn sinh hoạt khác (nilon, vỏ chai thủy tinh).

Theo giáo trình “Quản lý chất thải rắn” - NXB Xây dựng - GS.TS Trần Hiếu Nhuệ, chất thải rắn sinh hoạt tính bình quân cho một người ở Việt Nam từ 0,5 – 1 kg/người/ngày. Ta lấy định mức rác thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,5kg/ngày đối với cán bộ nhân viên (5 người), 0,05 kg/ngày đối với khách hàng (100 người), thì tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh tại cửa hàng khoảng 8kg/ngày, tương đương với 240 kg/tháng.

**Bảng 3.1. Thành phần của rác thải sinh hoạt**

TT	Thành phần	Tỷ lệ (%)
----	------------	-----------

TT	Thành phần	Tỷ lệ (%)
1	Các chất hữu cơ dễ phân huỷ	40 - 60
2	Các loại bao bì polyme	25 - 35
3	Các chất dễ cháy như giấy, gỗ, lá cây	10 - 14
4	Kim loại	1 - 2
5	Các chất khác	3 - 4

(Nguồn: Theo Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia về CTR năm 2011)

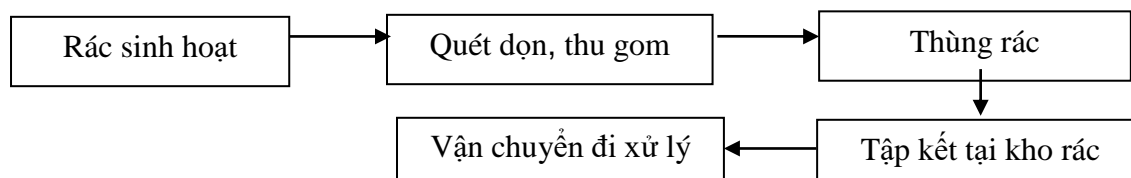
Đối với chất thải rắn sinh hoạt chủ đầu tư tiến hành phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn như sau:

- Đối với rác thực phẩm (thực phẩm, thức ăn thừa,...) được thải loại, bố trí 01 thùng có dung tích 60l, có túi và màu theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hàng ngày, cho người dân trong vùng về làm thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm hoặc thu gom, xử lý cùng loại chất thải rắn sinh hoạt khác;

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế như: giấy vụn, nhựa vỏ bao bì... được thu gom vào 01 thùng có dung tích 60l, có túi và màu theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hàng ngày, thu gom về kho chất thải đặt tại nhà giao dịch bán hàng, trưng bày sản phẩm, định kỳ bán phế liệu. Kho có diện tích khoảng 5 m<sup>2</sup> bố trí tại phòng phía Nam của cửa hàng. Kho có thiết kế cấu tạo kín thít, có khóa cửa; nền, trần và tường bao xây bằng gạch chỉ, trát xi măng.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt khác (không có khả năng tái chế) được thu gom vào 01 thùng có dung tích 60l, có túi và màu theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hàng ngày, thu gom về kho chất thải phía Tây Bắc cửa hàng (diện tích khoảng 5m<sup>2</sup>, có nền bê tông) và hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải tại địa phương đến thu gom vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom 2 lần/tuần.

Tại khu tập kết rác bố trí 02 thùng HDPE phân loại rác dung tích 120l có dán nhãn.



**Hình 3.6. Sơ đồ quy trình thu gom rác thải sinh hoạt**

### 3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

\* Khối lượng phát sinh: Bùn từ bể tự hoại khoảng 2 m<sup>3</sup>/năm.

\* Phương án thu gom, xử lý: Đối với bùn thải bể tự hoại thì thuê đơn vị có chức năng hút và đổ thải định kỳ.

### 3.3. Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại (CTNH) của cửa hàng bao gồm: bóng đèn hỏng, mực in,... với khối lượng ước tính khoảng 8 kg/tháng.

**Bảng 3.2. Danh mục CTNH của cửa hàng trong tháng**

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg)	Mã chất thải
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu	Rắn	1	18 02 01
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	1	16 01 06
3	Hộp mực in thải	Rắn	0,5	18 02 04
4	Cặn bản súc, vớt bề xăng dầu	Rắn	2,5	19 07 01
5	Dầu thải	Lỏng	3	17 02 04
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	1	18 01 03
<b>Tổng</b>			<b>8</b>	

- Chất thải nguy hại được thu gom, tập trung đúng nơi quy định, định kỳ thu gom 01 năm/lần. Bố trí 03 thùng rác composite để chứa chất thải nguy hại có dung tích 60l. Khu vực lưu chứa có diện tích khoảng 5m<sup>2</sup>, nền bê tông, có biển báo và gờ chống tràn.

- Hướng dẫn để cán bộ nhân viên hiểu biết về CTNH, phân loại với chất thải sinh hoạt trong quá trình thu gom vận chuyển về khu vực lưu chứa khi phát sinh.

- Chủ đầu tư sẽ thực hiện quản lý chất thải nguy hại phát sinh tại dự án theo hướng dẫn tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### 4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở

- Đề hạn chế phát sinh tiếng ồn, cơ sở tiến hành phân luồng, có biển báo ra hiệu cụ thể cho các phương tiện giao thông vận tải khi ra vào cửa hàng

- Hàng năm tiến hành trồng thêm nhiều cây xanh để giảm phát sinh bụi và tiếng ồn, tạo cảnh quan cho khu vực.

### 5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

#### 5.1. Giảm thiểu sự cố cháy nổ tại cửa hàng xăng dầu

Chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp để phòng ngừa sự cố cháy nổ:

- Luôn thực hiện hệ thống nhập kín, hệ thống thu hồi hơi xăng dầu khi nhập xăng dầu để không cho hơi xăng dầu bay ra ngoài môi trường;

- Tất cả nhân viên của cửa hàng phải có chứng chỉ nghiệp vụ kinh doanh xăng dầu, chứng chỉ PCCC, được đào tạo huấn luyện phòng trừ các sự cố xảy ra;

*Chủ cơ sở: Công ty xăng dầu Quân đội khu vực I*



- Lập biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ (khu vực bể xăng dầu, vật tư dễ cháy nổ, trạm biến áp...); Đặt các biển báo cấm ở phía ngoài hành lang cửa hàng, tại các cột bơm xăng dầu để người mua hàng biết và thực hiện;

- Tiến hành nhập, xuất xăng dầu vào những ngày thời tiết mát mẻ, tránh nhập vào những ngày thời tiết nắng nóng, dễ bắt lửa cháy;

- Trang bị các bình chữa cháy, các chần chiên, cát đặt ở khu vực khu vực nhiên liệu và nhà bán hàng; lắp đặt các vòi bơm có dây dẫn dài tại các dọc hàng rào bảo vệ của dự án;

- Mặt khác, trong quá trình làm việc, Công ty tiến hành ký hợp đồng lao động, đảm bảo chế độ lương, bảo hiểm y tế, khám sức khỏe định kỳ theo đúng quy định của Bộ Luật Lao động.

### **5.2. Giảm thiểu sự cố tràn dầu khu vực cửa hàng**

Để hạn chế sự cố tràn dầu khu vực cửa hàng, Chủ cơ sở thực hiện các biện pháp sau:

- Luôn có nhân viên theo dõi quá trình bơm nhiên liệu có thể thực hiện tắt bơm ngay tức thời để dừng nguồn tràn dầu, đồng thời toàn bộ nền khu vực nhập xăng dầu đều được bê tông hóa tiện cho công tác cô lập, thu gom và không làm ảnh hưởng tới môi trường xung quanh.

- Bể chứa xăng dầu được đặt ngầm hoàn toàn, đồng thời bể được sơn chống gỉ bằng nhựa đường số 04 đùn sồi và bọc 02 lớp vải thủy tinh và 03 lớp nhựa đường nên hạn chế được các rủi ro này.

- Hệ thống ống công nghệ tráng kẽm, liên kết ren, có các thiết bị đảm bảo an toàn và kín trong hệ hoạt động kinh doanh dầu như van đóng nhanh, van một chiều, van chặn, van Crêpin, ống công nghệ đi ngầm trong rãnh có nắp đậy kín bằng bê tông cốt thép đảm bảo tuyệt đối kín nhằm đảm bảo hạn chế tối thiểu các rủi ro.

### **5.3. Giảm thiểu tai nạn giao thông trong khu vực dự án**

Để giảm thiểu khả năng xảy ra tai nạn giao thông trong lúc vận chuyển nhiên liệu Công ty thực hiện các biện pháp như sau:

- Kiểm tra thường xuyên các phương tiện vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm về tính năng kỹ thuật, phanh xe, lốp xe....

- Vận hành phương tiện ở chế độ an toàn, đảm bảo chạy đúng tốc độ theo quy định.

- Phương tiện vận chuyển nhiên liệu phải theo đúng trọng tải quy định.

- Lắp đặt biển chỉ dẫn, biển báo giảm tốc độ khi ra vào dự án.

- Tạo lối đi thông thoáng, không đặt nhiều vật cản gây hạn chế tầm nhìn.

- Lắp đặt đèn chiếu sáng đường giao thông nội bộ trong khu vực dự án khi hoạt động vào buổi tối.

## Chương IV

### NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

#### 1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

##### 1.1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn phát sinh nước thải phát sinh từ các nguồn:

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt (nước thải từ bể tự hoại; hoạt động rửa mặt, tay chân).

- Nguồn số 02: nước thải nhiễm dầu (từ hoạt động rửa sàn, súc rửa bể chứa xăng dầu).

**1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa:** Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép là  $1,8\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$  tương đương  $0,075\text{m}^3/\text{giờ}$ .

##### 1.3. Dòng nước thải: 01 dòng

Dòng nước thải: số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép là 01 (một) dòng. Nước thải sau hệ thống xử lý đạt QCVN 29:2010/BTNMT, cột B (Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu chảy về nguồn tiếp nhận là mương thoát nước của khu vực.

##### 1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu vực cửa hàng sẽ được xử lý sơ bộ tại nguồn và được thu gom theo hệ thống mương dự án và chảy ra mương thoát nước của khu vực thuộc địa phận xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải theo quy chuẩn QCVN 29:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu, cột B.

**Bảng 4.1. Giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm nước thải**

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5,5-9
2	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	150
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Dầu mỡ khoáng (tổng hydrocarbon)	mg/l	30

##### 1.5. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Vị trí xả nước thải: điểm đầu nối nước thải vào mương thoát nước cạnh dự án.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $104^{\circ}45'$ , múi  
chiều  $3^{\circ}$ ):

**Bảng 4.2. Vị trí tọa độ xả thải**

STT	Vị trí	Tọa độ VN2000	
		X (m)	Y (m)
1	Tọa độ điểm xả nước thải	2069634	601112

- Phương thức xả nước thải: tự chảy

Nước thải sau xử lý theo hệ thống thoát nước nội bộ rồi chảy ra mương thoát  
nước cạnh dự án.

- Chu kỳ xả thải: gián đoạn tùy các thời điểm trong ngày.

- Thời gian xả thải: 24h/ngày.đêm.

## 2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép xả khí thải. Tuy nhiên, cơ sở vẫn  
thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải như sau:

- Đối với mùi phát sinh từ hoạt động xuất nhập nguyên liệu vào bể:

+ Cửa hàng thực hiện nhập xăng dầu bằng hệ thống nhập kín, hệ thống thu hồi  
hơi xăng dầu.

+ Bể luôn ở tình trạng kín, các thiết bị ở tình trạng hoạt động tốt;

+ Quá trình nhập xuất xăng dầu luôn ở chế độ nhúng chìm.

- Đối với mùi phát sinh từ kho tập kết rác, hệ thống thoát nước thải:

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống thoát nước thải và nắp đậy hố ga, không để  
các loại khí thải sinh ra từ quá trình phân hủy hợp chất hữu cơ trong nước thải phát tán  
vào môi trường không khí.

+ Định kỳ bảo dưỡng các thiết bị thuộc hệ thống thu gom và thoát nước thải,  
đảm bảo quá trình vận hành được xảy ra liên tục.

+ Rác thải sinh hoạt được thu gom, tập trung và hàng ngày vận chuyển theo giờ  
cố định, không tập trung lâu ngày, thường xuyên được phun khử mùi, thuê đơn vị có  
chức năng vận chuyển rác theo quy định.

## 3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn

### 3.1. Chất thải nguy hại

- Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

**Bảng 4.3. Khối lượng chất thải nguy hại**

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg)	Mã chất thải
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu	Rắn	1	18 02 01
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	1	16 01 06
3	Hộp mực in thải	Rắn	0,5	18 02 04
4	Cặn bản súc, vớt bề xăng dầu	Rắn	2,5	19 07 01
5	Dầu thải	Lỏng	3	17 02 04
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	1	18 01 03
<b>Tổng</b>			<b>8</b>	

Chất thải nguy hại được thu gom, tập trung đúng nơi quy định, định kỳ thu gom 01 năm/lần. Bố trí 03 thùng rác composite để chứa chất thải nguy hại có dung tích 60l.

### 3.2. Chất thải rắn sinh hoạt

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 8 kg/ngày.

Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn như sau:

- Đối với rác thực phẩm (thực phẩm, thức ăn thừa,...) được thải loại, bố trí 01 thùng có dung tích 60l, có túi và màu theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hàng ngày, cho người dân trong vùng về làm thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm hoặc thu gom, xử lý cùng loại chất thải rắn sinh hoạt khác;

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế như: giấy vụn, nhựa vỏ bao bì... được thu gom vào 01 thùng có dung tích 60l, có túi và màu theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hàng ngày, thu gom về kho chất thải đặt tại nhà bán hàng, trưng bày sản phẩm, định kỳ bán phế liệu.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt khác (không có khả năng tái chế) được thu gom vào 01 thùng có dung tích 60l, có túi và màu theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hàng ngày, thu gom về kho chất thải và hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải tại địa phương đến thu gom vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

### 3.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

\* Khối lượng phát sinh: Bùn từ bể tự hoại khoảng 2 m<sup>3</sup>/năm.

\* Phương án thu gom, xử lý:

+ Đối với bùn thải bể tự hoại: thuê đơn vị có chức năng hút và đổ thải định kỳ.

## Chương V

### KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CƠ SỞ

#### 1. Kết quả quan trắc môi trường đối với khí thải trong quá trình lập báo cáo

Các thông số chất lượng được đo đạc, phân tích bằng các phương pháp tiêu chuẩn nội bộ của PTN hoặc của quốc gia/quốc tế.

**Bảng 5.1. Phương pháp thử nghiệm khí thải**

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích
1	Bụi tổng TSP	TCVN 5067-1995
2	CO	SOP-7.02.01-03
3	SO <sub>2</sub>	TCVN 5971:1995
4	NO <sub>2</sub>	TCVN 6137:1995
5	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2010

Kết quả quan trắc khí thải thời điểm lập báo cáo được tổng hợp theo bảng sau:

**Bảng 5.2. Kết quả quan trắc khí thải**

TT	Thông số	Đơn vị	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	QCVN 05:2023/BTNMT
1	Bụi	µg/m <sup>3</sup>	136	126	122	<b>300</b>
2	CO	µg/m <sup>3</sup>	<4000	<4000	<4000	<b>30.000</b>
3	SO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	117	103	106	<b>350</b>
4	NO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	98	92	81	<b>200</b>
5	Tiếng ồn	dBA	65,3	64,1	63,9	<b>70<sup>(1)</sup></b>

Nhận xét: Qua bảng phân tích cho thấy nồng độ các chỉ tiêu phân tích không khí tại 03 đợt khảo sát đều nằm dưới ngưỡng cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT. Như vậy chất lượng môi trường không khí khu vực Dự án chưa có dấu hiệu ô nhiễm.

#### 2. Kết quả quan trắc môi trường đối với nước mặt trong quá trình lập báo cáo

Các thông số chất lượng được đo đạc, phân tích bằng các phương pháp tiêu chuẩn nội bộ của PTN hoặc của quốc gia/quốc tế.

**Bảng 5.3. Phương pháp thử nghiệm nước mặt**

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích
1	pH	TCVN 6492:2011
2	TSS	TCVN 6625: 2000

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích
1	pH	TCVN 6492:2011
3	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	TCVN 6179-1:1996
4	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	TCVN 6180:1996
5	COD	SMEWW 5220C:2017
6	DO	TCVN 7325:2004
7	BOD <sub>5</sub>	TCVN 6001-1:2008
8	Coliform	SMEWW 9221B:2017

Kết quả quan trắc nước mặt khu vực dự án thời điểm lập báo cáo được tổng hợp theo bảng sau:

**Bảng 5.4. Kết quả quan trắc nước mặt**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT, cột B
1	pH	-	6,7	5,5 – 9,0
2	TSS	mg/l	28	50
3	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	mg/l	0,18	0,9
4	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	mg/l	0,85	10
5	COD	mg/l	11	30
6	DO	mg/l	5,3	>4
7	BOD <sub>5</sub>	mg/l	4,5	15
8	Coliform	MPN/100ml	2500	7500

Nhận xét: Qua bảng phân tích cho thấy nồng độ hầu hết các chỉ tiêu phân tích nước mặt khu vực dự án đợt khảo sát đều nằm dưới ngưỡng cho phép của QCVN 08:2023/BTNMT.

### **3. Kết quả quan trắc môi trường đối với nước thải trong quá trình lập báo cáo**

Các thông số chất lượng được đo đạc, phân tích bằng các phương pháp tiêu chuẩn nội bộ của PTN hoặc của quốc gia/quốc tế.

**Bảng 5.5. Phương pháp thử nghiệm khí thải**

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích
1	pH	TCVN 6492:2011

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích
1	pH	TCVN 6492:2011
2	COD	SMEWW 5220C:2011
3	TSS	TCVN 6625:2000
4	Tổng, dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2017

Kết quả quan trắc khí thải thời điểm lập báo cáo được tổng hợp theo bảng sau:

**Bảng 5.6. Kết quả quan trắc nước thải**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 29:2010/BTNMT
1	pH	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	7,7	<b>5,5-9</b>
2	COD	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	63	<b>150</b>
3	TSS	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	50	<b>120</b>
4	Tổng dầu mỡ khoáng	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	4	<b>30</b>

*Nhận xét:* Qua bảng phân tích cho thấy nồng độ các chỉ tiêu phân tích nước thải tại đợt khảo sát đều nằm dưới ngưỡng cho phép của QCVN 29:2010/BTNMT. Như vậy chất lượng nước thải của cơ sở chưa có dấu hiệu ô nhiễm.

## **Chương VI**

### **CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CỦA MÔI TRƯỜNG CƠ SỞ**

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn cơ sở đi vào vận hành, cụ thể như sau:

#### **1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở:**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP thì công trình xử lý chất thải không phải thực hiện vận hành thử nghiệm, bao gồm:

- Hồ lắng của dự án khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, đá vôi;
- Hồ sự cố của hệ thống xử lý nước thải (trừ hồ sự cố kết hợp hồ sinh học);
- Hệ thống thoát bụi, khí thải đối với các trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải, bao gồm cả hệ thống kiểm soát khí thải lò hơi sử dụng nhiên liệu là khí gas, dầu DO; hệ thống xử lý khí thải lò hỏa táng;
- Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường 2020 (bao gồm cả bể tự hoại, bể tách mỡ nước thải nhà ăn và các công trình, thiết bị hợp khối đáp ứng yêu cầu theo quy định);

Với lượng phát thải nhỏ, chủ đầu tư dự án đã xây dựng bể tự hoại để xử lý lượng nước thải phát sinh. Do đó, dự án thuộc nhóm không phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.



## **CHƯƠNG VII**

### **KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Trong 02 năm gần đây cơ sở không có cuộc kiểm tra nào về môi trường.

**Chương VIII**  
**CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường và các pháp luật liên quan khác, Công ty cam kết thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ như sau:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như đã nêu ra trong báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
3. Phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đối với môi trường từ các hoạt động liên quan đến cơ sở;
4. Khắc phục ô nhiễm môi trường do các hoạt động của cơ sở gây nên;
5. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân trong quá trình hoạt động;
6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về môi trường theo quy định;
7. Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra và báo cáo định kỳ về bảo vệ môi trường;
8. Nếu để xảy ra sự cố môi trường sẽ thực hiện các biện pháp sau để xử lý:
  - Điều tra, xác định phạm vi, giới hạn, mức độ, nguyên nhân, biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường;
  - Tiến hành ngay các biện pháp để ngăn chặn, hạn chế nguồn gây ô nhiễm môi trường và hạn chế sự lan rộng, ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống của nhân dân trong vùng;
  - Thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường và các quy định pháp luật liên quan khác;
  - Chịu mọi trách nhiệm về hậu quả đối với cộng đồng khu vực xung quanh nếu để xảy ra sự cố môi trường.
9. Tuân thủ các tiêu chuẩn thải theo quy định và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở:
  - Chất lượng khí thải phát sinh từ các hoạt động của cơ sở và chất lượng môi trường không khí xung quanh nằm trong giới hạn cho phép tại QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT;
  - Nước thải:
    - + Nước thải trong giai đoạn hoạt động sau khi xử lý nằm trong giới hạn ở cột B của QCVN 29:2010/BTNMT.
    - Chất thải rắn: Thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt đảm bảo các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường;

- Cam kết thực hiện các biện pháp phòng chống cháy và không để xảy ra hiện tượng cháy nổ.

10. Cam kết rằng các số liệu cung cấp trong Báo cáo cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Trạm xăng dầu số 37 tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An” có tính chính xác cao và cam kết rằng cơ sở không sử dụng hoá chất, chủng vi sinh vật trong danh mục cấm của Việt Nam và các Công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên./.

**PHỤ LỤC BÁO CÁO**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH**

Mã số địa điểm kinh doanh: 00006

*Đăng ký lần đầu, ngày 05 tháng 07 năm 2023*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 18 tháng 12 năm 2023*

**1. Tên địa điểm kinh doanh:** ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH TRẠM XĂNG DẦU SỐ 37  
- CÔNG TY XĂNG DẦU QUÂN ĐỘI KHU VỰC 1 - CÔNG TY TNHH MỘT  
THÀNH VIÊN TÓNG CÔNG TY XĂNG DẦU QUÂN ĐỘI  
Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài:  
Tên địa điểm kinh doanh viết tắt: TRẠM XĂNG DẦU SỐ 37

**2. Địa chỉ:**

*xóm Đức Thịnh, Xã Hưng Lộc, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

Điện thoại: 02383 578.217 – 0988.277.005

Fax:

Email:

Website:

**3. Thông tin về người đứng đầu**

Họ và tên: HOÀNG VĂN NGHĨA

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 16/07/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034076002352

Ngày cấp: 14/09/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự  
xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu Hạ Đoạn 2, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố  
Hải Phòng, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu Hạ Đoạn 2, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải  
Phòng, Việt Nam

**4. Thông tin về doanh nghiệp/chi nhánh chủ quản:**

Tên doanh nghiệp/chi nhánh: CÔNG TY XĂNG DẦU QUÂN ĐỘI KHU VỰC 1

Mã số doanh nghiệp/chi nhánh: 0100108688-024

Địa chỉ trụ sở chính/chi nhánh: Khu Hạ Đoạn 2, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,  
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Anh Tuấn



UBND TỈNH NGHỆ AN  
SỞ CÔNG THƯƠNG  
Số: 293L3/GCNĐDK-SCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 21 tháng 8 năm 2024

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
CỬA HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BÁN LẺ XĂNG DẦU**

Cấp lần thứ nhất: ngày 03/9/2014; Cấp lần thứ 2: ngày 10/9/2019;

Cấp lần thứ 3: ngày 21/8/2024;

**GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH NGHỆ AN**

Căn cứ Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 12/04/2024 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương Nghệ An;

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Căn cứ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 về kinh doanh xăng dầu;

Căn cứ Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17/11/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận của hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu của Doanh nghiệp tư nhân Hoè Thanh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý thương mại.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu:

**1. Tên Cửa hàng bán lẻ xăng dầu: Trạm xăng dầu số 37**

Địa chỉ: Xóm Đức Thịnh, xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0988 277005

Thuộc sở hữu của Công ty Xăng dầu Quân đội khu vực 1

Địa chỉ trụ sở chính: Khu Hạ Đoàn 2, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100108688-024 do Sở Kế hoạch - Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/01/2009, cấp đăng ký thay đổi lần 4 ngày 07/8/2023;

Mã số thuế: 0100108688-024.

Đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

**2. Thương nhân cung cấp xăng dầu**

Tên Thương nhân: Công ty Xăng dầu Quân đội khu vực 1

Địa chỉ trụ sở chính: Khu Hạ Đoàn 2, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100108688-024 do Sở Kế hoạch - Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/01/2009, cấp đăng ký thay đổi lần 4 ngày 07/8/2023;

Mã số thuế: 0100108688-024.

**Điều 2.** Công ty Xăng dầu Quân đội khu vực 1 và Trạm xăng dầu số 37 phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, Nghị định 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 về kinh doanh xăng dầu và Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17/11/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

**Điều 3.** Giấy Chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu này có giá trị đến hết ngày 21/8/2029.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Bộ Công Thương;
- Cục QLTT Nghệ An;
- UBND TP Vinh;
- Thanh tra Sở;
- Lưu: VT, BP GD&TKQ, QLTM.





**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

**BẢN SAO**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số.1496/TT ngày 30 / 12 / 2008

của: **Công ty xăng dầu Quân Đội**  
 Người đại diện là ông/ bà: **Vũ Quang Minh** Chức danh **Phó Giám đốc**  
 (1) **PHÒNG CẢNH SÁT PCCC**

**CHỨNG NHẬN:**

**TRAM CẤP PHÁT XĂNG DẦU SỐ 37**

(2) Địa điểm: **Xóm Đức Thọ, xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An**  
 Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: **Công ty xăng dầu Quân Đội**  
 Đơn vị lập dự án/ thiết kế: **Công ty CP tư vấn xây dựng và chuyển giao công nghệ Sông Hồng**  
 Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Khoảng cách an toàn PCCC;
- Giao thông cho phương tiện chữa cháy;
- Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan;
- Hệ thống điện, chống sét;
- Hệ thống công nghệ;
- Phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy;

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3) Điều chỉnh vị trí lắp đặt van thở đảm bảo khoảng cách với tường bao về phía cửa hàng không nhỏ hơn 3m. Quá trình thi công nếu có thay đổi về thiết kế thì Chủ đầu tư phải thực hiện thủ tục thẩm duyệt bổ sung về PCCC. Các phương tiện, thiết bị PCCC phải được kiểm định chất lượng trước khi lắp đặt tại công trình. Tổ chức nghiệm thu về PCCC trước khi đưa công trình vào hoạt động.

**BẢN CHÍNH**  
Số CT..... Quyển số..... SCT/BS

**NGÀY 11-04-2011** Vinh, ngày 19 tháng 01 năm 20 09

(4) **TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC**

Nơi nhận:

- Cục C23
- Sở Xây dựng, sở Công Thương
- Công ty XD Quân Đội
- CA TP Vinh
- Lưu PCCC



Thương tá: **Lê Quốc Bảo**

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.  
 (3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32 /GXN-UBND

Vinh, ngày 16 tháng 7 năm 2009

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ  
BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

của Dự án: “Đầu tư xây dựng Trạm cấp phát xăng dầu số 37 - Công ty Xăng dầu quân đội tại xóm Đức Thọ, xã Hưng Lộc, thành phố Vinh”

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường,

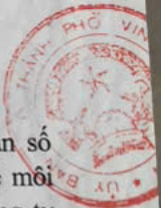
**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH  
XÁC NHẬN**

**Điều 1.** Chủ dự án là Công ty Xăng dầu quân đội đã có Công văn số 988/CV-XDQĐ ngày 30 tháng 6 năm 2009 đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án: “Đầu tư xây dựng Trạm cấp phát xăng dầu số 37 - Công ty Xăng dầu quân đội tại xóm Đức Thọ, xã Hưng Lộc, thành phố Vinh”.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung về bảo vệ môi trường nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Báo cáo với UBND xã Hưng Lộc về nội dung của Bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án đã được cấp giấy xác nhận và Giấy xác nhận này.
2. Phải tiến hành thiết kế chi tiết và xây lắp các công trình xử lý môi trường đúng quy định hiện hành về đầu tư xây dựng.

Sau khi thiết kế chi tiết các công trình xử lý môi trường của Dự án, phải có văn bản báo cáo UBND thành phố Vinh (qua phòng Tài nguyên và Môi trường).





trường) về kế hoạch xây lắp kèm theo hồ sơ thiết kế chi tiết các công trình xử lý môi trường để theo dõi, kiểm tra.

3. Thực hiện bảo vệ môi trường trong quá trình thi công Dự án:

- Chủ dự án phải triển khai thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực đối với môi trường do Dự án gây ra.

- Trong quá trình triển khai các hoạt động thi công và vận hành thử nghiệm dự án nếu xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường hoặc sự cố thì phải dừng ngay và báo cáo UBND thành phố (qua phòng Tài nguyên và Môi trường) và UBND xã Hưng Lộc để kiểm tra xử lý.

4. Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý môi trường:

- Sau khi việc xây lắp các công trình xử lý môi trường đã hoàn thành và được nghiệm thu, phải tiến hành vận hành thử nghiệm các công trình xử lý môi trường để kiểm tra các thông số về kỹ thuật và môi trường theo thiết kế đặt ra.

- Phải xây dựng kế hoạch vận hành thử nghiệm và báo cáo UBND thành phố Vinh (qua phòng Tài nguyên và Môi trường) và UBND xã Hưng Lộc để bố trí kế hoạch giám sát và kiểm tra.

5. Chỉ được đưa Trạm cấp phát vào hoạt động sau khi đã được UBND thành phố Vinh xác nhận việc thực hiện đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường và của Giấy xác nhận này.

**Điều 3.** Bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án và Giấy xác nhận này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

**Điều 4.** Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./g

**Nơi nhận:**

- Chủ dự án;
- Sở TNMT;
- Phòng TNMT TP;
- UBND xã Hưng Lộc;
- Lưu VT.UBND, HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quốc Hồng

# THÔNG KÊ VẬT LIỆU

TT	TÊN VẬT LIỆU - QUY CÁCH	Đ.VỊ	K.LƯỢNG	GHI CHÚ
1	BỂ LẮNG GẠM DẦU	BỂ	1	BLD
2	HỐ GA	CÁI	3	HG
3	HỐ BỊT	CÁI	2	HB
4	BỂ NƯỚC, BỂ CÁT	BỂ	1	BNBC
5	BỂ TỰ HOẠI	BỂ	1	BTH
6	ỐNG BÊ TÔNG D200	M	18	
7	RÃNH THÓAT NƯỚC	M	40	
8	BÌNH BỌT MTZ-35/MTZ-8	CÁI	1/5	
9	BÌNH CO2- MTZ3	CÁI	4	
10	CHẼN SỢI 2MX1.5M	CÁI	5	
11	XẼNG / XÔ	CÁI	4/4	
12	CÁT CHỮA CHÁY	M3	2	
13	TIÊU LỆNH + BIỂN BÁO CẤM LỬA	BỘ	2	

**BẢN SAO**

**CHỨNG THỰC**  
**BẢN SAO ĐÚNG BẢN CHÍNH**  
Số CT: ..... Quyển số: ..... SCT/MS

NGÀY 11-04-2014

**CHỦ TỊCH**  
**U.B.NĐ PHƯƠNG TRUNG ĐỒ**



*Từ Hoa Lam*

1  
2  
3  
4  
SH CHÁU  
CHỈ DẪU TỰ PHÉC  
1102  
CÁC  
SỞ QUẢN LÝ  
QUẢN  
HỒ SƠ QUẢN LÝ  
CÔNG TY XÂY  
CÁI LẬU  
CÔNG TRÌNH  
TRAM  
HANG MỤC  
TR  
PHÒNG  
CƠ QUAN THỰC  
VỤ BAN NH  
THÀNH PH

1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50  
51  
52  
53  
54  
55  
56  
57  
58  
59  
60  
61  
62  
63  
64  
65  
66  
67  
68  
69  
70  
71  
72  
73  
74  
75  
76  
77  
78  
79  
80  
81  
82  
83  
84  
85  
86  
87  
88  
89  
90  
91  
92  
93  
94  
95  
96  
97  
98  
99  
100



